

Bản án số 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 11 năm 2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2019/QĐXXST-DS ngày 07/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số K35/10 đường B, tổ 31, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, có mặt.***

**** Bị đơn: Ông V, sinh năm 1976; Số K123/28 đường L, tổ 40, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà L trình bày:***

Tôi và ông V tự nguyện kết hôn vào ngày 01/02/2016, đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì chúng tôi sống cùng gia đình bên chồng tại nhà số K123/28 đường L, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sống chung được một thời gian thì vợ chồng tôi chuyển ra ở riêng, tuy nhiên trong thời gian này chồng tôi không quan tâm đến gia đình, thường đi đánh bạc và vì tính tình nóng nảy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do chúng tôi không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không

còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông V không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L ly hôn với ông V. Các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà L với ông V là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L và ông V kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông V đã phát sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V không có trách nhiệm với gia đình, tính cách nóng nảy, thường xuyên đánh bạc nên vợ chồng xảy ra cãi vã, bất hòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà L và ông V thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và đã trầm trọng kéo dài. Hai người sống ly thân một thời gian dài và đã chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ ông V không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy quan hệ vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông V là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000đ.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc “*Ly hôn*” đối với ông V.

Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông V.

* Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai số 4947 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường K, quận K, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường